

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HS-ST

Ngày: 14-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn;

- Bà Phan Kim Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/HSST-QĐ ngày 09/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/HSST-QĐ ngày 27/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trung T, sinh năm: 2000 tại tỉnh C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 27/6/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Thanh S, sinh năm: 2001 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 2A, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 11/7/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Tấn Đ, sinh năm: 1991 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã H, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm: 1964 và bà Tô Đ1, sinh năm: 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/8/2016 bị Công an huyện Củ Chi bắt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không rõ hình thức xử lý.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 03/8/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Thái A, sinh năm: 1994 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường P, quận T, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã V, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái T3, sinh năm: 1954 và bà Từ Cao S1, sinh năm: 1967; bị cáo có vợ tên Võ Thị Bé N, sinh năm: 1992, có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 26/6/2013 chấp hành án xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 16/7/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Ông Nguyễn Tuyết B, sinh năm: 1994 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã H, huyện E, tỉnh Tr.

Tạm trú: Ấp U, xã I, huyện C, Thành phố H.

- Ông Mai Công C, sinh năm: 1992 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, huyện P, tỉnh B.

Tạm trú: Ấp 3, xã V, huyện C, Thành phố H.

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1998 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Q, thị xã B, tỉnh Qu.

Tạm trú: Ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố H.

- Ông Trần Văn Mỹ A, sinh năm: 1985 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 7, xã B, huyện K, tỉnh S;

- Ông Phạm Văn C1, sinh năm: 1979 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tr.

- Bà Đỗ Thị Minh Y, sinh năm: 1994 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66/1 ấp L, xã B, huyện H, Thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm: 1994 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66/1 ấp L, xã B, huyện H, Thành phố H.

Tạm trú: Ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố H.

- Ông Võ Quốc D1, sinh năm: 2001 (Vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp G, xã L, huyện C, Thành phố H.

- Bà Lâm Thị D2, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện C, Thành phố H.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Sông T5, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1430 Tỉnh lộ 7, ấp C, xã A, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Trung T, Lê Thanh S, Trần Tấn Đ và Thái A cùng đi trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể:

- **Vụ thứ 1:** Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/3/2019, T điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter biển số 59V2-830.12 đi đến nhà trọ thuộc ấp 3, xã P, huyện C. T vào phòng số 2 của ông Nguyễn Tuyết B lấy trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Drum biển số 52N7-1327, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S và để lại xe mô tô hiệu Jupiter biển số 59V2-830.12 tại hiện trường (Công an đã thu giữ). Sau đó T bán xe mô tô hiệu Drum biển số 52N7-1327 cho một người bạn tên H1 (chưa rõ lai lịch) với giá 1.500.000đ, bán 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S tại tiệm điện thoại di động thuộc ấp 6, xã T, huyện C được 700.000đ, tài sản bị trộm cắp chưa thu giữ được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 96 ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 xe mô tô hiệu Drum biển số 52N7-1327 trị giá 2.200.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S trị giá 2.500.000đ. Tổng tài sản bị thiệt hại là 4.500.000đ.

- **Vụ thứ 2:** Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/3/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 85B1-091.33 đi đến nhà trọ thuộc ấp 3, xã P, huyện C. T vào phòng số 9 của anh Mai Công C lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Warm biển số 51Y7-6750, vào phòng số 6 của chị Đoàn Thị H lấy trộm 1.500.000đ và 01 đồng hồ đeo tay. T để lại xe mô tô biển số 85B1-091.33 tại hiện trường (Công an đã thu giữ). T đổi biển số 51Y-6750 sang biển số 94F6-4916 để sử dụng và đem cầm cho Phó Văn T5 sinh năm: 1967 ngụ ấp 7, xã G, huyện C để trừ nợ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 94F6-4916, T đã vứt bỏ biển số 51Y7-6750.

Theo Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 xe mô tô hiệu Warm biển số 51Y7-6750 trị giá 1.500.000đ, 01 đồng hồ đeo tay không có cơ sở định giá. Tổng tài sản bị thiệt hại là 3.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 3:** Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 47H1-5524 đến nhà Lê Thanh S rủ S đi trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Cả hai đi đến nhà số 259 đường K, ấp 7, xã T, huyện C thì phát hiện có 01 xe mô tô dựng trong nhà không ai trông giữ. S đứng ngoài cảnh giới, T vào nhà trộm 01 xe mô tô hiệu DYOR biển số 83K1-0482 của ông Trần Văn Mỹ A, sau đó T đem xe về nhà trọ L tại ấp P, xã Đ, huyện C của Đoàn Văn H2, Hồ Minh T6 và nhờ H2, T6 đem đi bán giấu. H2 và T6 chưa kịp bán xe mô tô hiệu DYOR biển số 83K1-0482 thì bị Công an huyện Củ Chi thu giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 81 ngày 04/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 xe mô tô hiệu DYOR biển số 83K1-0482 trị giá 6.000.000đ.

- **Vụ thứ 4:** Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 31/3/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 47H1-5524 đến nhà của Thái A rủ Thái A đi trộm cắp tài sản thì Thái A đồng ý. Cả hai đi đến dãy nhà trọ số 19 đường B, ấp 2, xã P, huyện C thì Thái A đứng ngoài canh giới, T vào nhà trọ trộm cắp tài sản. T vào phòng trọ số 36 trộm 01 xe mô tô hiệu Havico biển số 51K5-6655 của ông Phạm Văn C1, 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bà Đỗ Thị Minh Y và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6 của bà Nguyễn Thị Thùy T4. Thái A bán 01 xe mô tô biển số 51K5-6655 cho Trần Tấn Đ, Đ bán lại cho một người thanh niên (không rõ lai lịch), T bán 01 điện thoại di động và 01 máy tính bảng tại xã T, huyện C (không rõ địa chỉ) được 1.000.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 138 ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 xe mô tô hiệu Havico biển số 51K5-6655 trị giá 3.000.000đ, 01 điện thoại di động Nokia trị giá 200.000đ, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6 không có cơ sở định giá. Tổng tài sản bị thiệt hại là 3.200.000đ.

- **Vụ thứ 5:** Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) chở Trần Tấn Đ đi đến đồng ruộng thuộc ấp G, xã L, huyện C để hái trái cây. T phát hiện 01 xe mô tô không người trông giữ, T rủ Đ trộm cắp xe mô tô này thì Đ đồng ý. Đ đứng canh giới, T trộm 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 70M3-0484 của ông Võ Quốc D1 đang dựng trên bờ ruộng, sau đó T bán xe mô tô 70M3-0483 cho Lê Thanh S với giá 2.500.000đ, S biết rõ tài sản do T trộm mà có nhưng vẫn mua. Sau đó S thay đổi biển số 70M3-0484 sang biển số 95F4-1353 để sử dụng, S đưa biển số 70M3-0484 cho anh rể là Đặng Đình Bảo Q ngụ ấp 6, xã Đ, huyện C cất giữ, tài sản bị trộm cắp đã thu giữ được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 156 ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 70M3-0484 trị giá 2.500.000đ.

- **Vụ thứ 6:** Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/6/2019, tại ngã tư C, ấp 6, xã P, T điều khiển xe mô tô biển số 75B1-178.65 cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus của bà Lâm Thị D2 đang điều khiển xe mô tô biển số 59Y2-812.93 phía trước cùng chiều. Sau đó T kể lại việc cướp giật điện thoại di động trên cho Trần Tấn Đ nghe và nhờ Đ đi bán điện thoại di động dùm. Đ cùng T đem điện thoại di động cướp giật được đi cầm tại cửa hàng cầm đồ Sông T7 tại ấp C, xã A, huyện C được 8.000.000đ, T đưa 5.000.000đ cho Phạm Kim T8 là vợ của Đ để trả nợ, T đưa cho Đ 500.000đ, tài sản bị cướp giật đã thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 160 ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng trị giá 17.000.000đ.

- **Ngoài ra, T, S còn thực hiện một số vụ án khác gồm:**

+ Ngày 22/3/2019 tại ấp 3, xã P, huyện C, T trộm 700.000đ tại phòng trọ số 4 nhưng chưa tìm được bị hại;

+ Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 31/3/2019, T cùng H2 trộm cắp tài sản tại nhà không số của ông Nguyễn Công Gia B1 tại ấp N, xã T, huyện C, ông B1 không làm đơn trình báo. Theo Kết luận định giá tài sản số 101 ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: Không có cơ sở để định giá tài sản;

+ T và S cướp giật điện thoại di động tại xã V và xã T (không rõ ngày), chưa xác định được bị hại;

+ S cùng Đoàn Thanh T9 cướp giật 01 điện thoại di động vào ngày 02/7/2019 tại ấp 7, xã Đ, huyện C. S và T8 đã bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can và đang điều tra trong vụ án khác.

+ S cùng Đặng Đình Bảo Q trộm cắp 01 xe máy tại ấp H, xã A, huyện C (không rõ ngày); S cùng Đoàn Thanh T9 trộm cắp cây mai ở xã T, huyện C (đầu tháng 7/2019); S cùng T8 và H3 (chưa rõ lai lịch) cướp giật 01 điện thoại di động tại ấp C, xã A, huyện Củ Chi. Cả 03 vụ chưa xác định được bị hại;

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T chỉ điểm lại nơi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản, cho Lê Thanh S và Thái A chỉ điểm nơi trộm cắp tài sản.

*** Vật chứng vụ án thu giữ gồm:**

- 01 xe mô tô màu nâu, biển số 47H1-55XX, số máy: 50FMG3Y-0057XXX, số khung: MX100Y-0030XXX;

- 01 xe mô tô hiệu Jupiter màu đen bạc biển số 59V2-83XXX, số máy: 5B95060966, số khung: RLCJ5B950AY060XXX;

- 01 xe mô tô màu xanh biển số 75B1-17XXX, số máy: F124-151XXX, số khung: BE13A-TH190XXX;

- 01 xe mô tô màu đen biển số 85B1-09XXX, số máy: VTT36JL1P52FMH040XXX, số khung: RRKWCH2UMAXC40XXX;

- 02 biển số 94F6-49XX và 95F4-1XXX, 01 cái kèm, 01 mỏ lách.

*** Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã tiến hành trao trả:**

- 01 xe mô tô hiệu Warm màu xanh, biển số 51Y7-6XXX, số máy 431XXX-P52FMH, số khung: 401203-WCH034DP cho bị hại Mai Công C;

- 01 xe mô tô hiệu DYOR màu đỏ-xám, biển số 83K1-04XX, số máy: 52FMH0008XXX, số khung: H5RS71008XXX cho bị hại Trần Văn Mỹ A;

- 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen-bạc, biển số 70M3-04XX, số máy: 5C63-363XXX, số khung: C630AY363XXX cho bị hại Võ Quốc D1;

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8 Plus, số imei: 354829097568XXX cho bị hại Lâm Thị D2.

*** Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 11/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can như sau:**

- Nguyễn Trung T về tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm và tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp theo

Điểm d Khoản 2 Điều 171 và Điểm b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Lê Thanh S và Trần Tấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Thái A về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Trung T thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng:**

- Ngày 20/3/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter biển số 59Y2-830.12 (xe không có giấy tờ do bị cáo mua của một người không rõ lai lịch tại ấp 7, xã Đ, huyện C) đi trộm 01 xe mô tô biển số 52N7-1327, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S tại ấp 3, xã P, huyện C. Bị cáo để lại xe mô tô biển số 59Y2-830.12, xe mô tô biển số 52N7-1327 bị cáo bán cho người bạn tên H1 không rõ lai lịch, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S bị cáo bán tại cửa hàng điện thoại di động ở ấp 6, xã Đ, huyện C (không rõ địa chỉ);

- Ngày 22/3/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 85B1-091.33 của ông Lắm (Phó Văn Thương) đi công việc rồi đến ấp 3, xã P trộm 01 xe mô tô biển số 51Y7-6750, 1.500.000đ và 01 đồng hồ đeo tay, bị cáo để lại xe mô tô biển số 85B1-091.33, còn xe biển số 51Y7-6750 bị cáo cầm cố cho ông L (Phó Văn T5) để trừ nợ, số tiền 1.500.000đ bị cáo tiêu xài, 01 đồng hồ đeo tay bị cáo cho người bạn tên U không rõ lai lịch sử dụng, sau đó bị cáo có nói cho ông L biết xe mô tô biển số 85B1-091.33 bị cáo để lại hiện trường và xe biển số 51Y7-6750 là xe bị cáo trộm và thay biển số 51Y77-6750 thành biển số 94F6-4916;

- Ngày 30/3/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47H1-5524 do bị cáo mua của một người đàn ông không rõ lai lịch chở Lê Thanh S đi trộm chiếc xe mô tô biển số 83K1-0482 tại ấp 7, xã Đ, sau đó bị cáo đem xe trộm được đến nhà của Đoàn Văn H2 và Hồ Minh T6 nhờ cất dùm, bị cáo có nói cho H2 và T6 biết xe mới trộm mà có và nhờ H2, T6 bán dùm nhưng chưa kịp bán thì bị Công an thu giữ;

- Ngày 31/3/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47H1-5524 chở Thái A đi trộm 01 xe mô tô biển số 51K5-6655, 01 máy tính bảng hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Bị cáo đưa xe mô tô biển số 51K5-6655 cho Thái A bán, còn máy tính bảng và điện thoại di động bị cáo bán tại xã Đ (không rõ địa chỉ) được 1.000.000đ. Cùng ngày bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47H1-5524 chở H2 đi trộm 01 máy tính xách tay tại ấp N, xã A, huyện C, máy tính trộm được bị cáo để ở nhà H2, không rõ hiện nay ở đâu;

- Ngày 12/6/2019, bị cáo điều khiển xe Wave không có biển số của bị cáo Trần Tấn Đ chở Đ đến đồng ruộng thuộc ấp G, xã L, huyện C hái trái cây, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 70N3-0484 không người trông coi nên rủ bị cáo Đ trộm thì bị cáo Đ đồng ý. Sau đó bị cáo bán xe mô tô biển số 70N3-0484 cho bị cáo Lê Thanh S với giá là 2.500.000đ, bị cáo có nói cho bị cáo S biết xe do bị cáo trộm và bị cáo S vẫn mua sử dụng;

- Ngày 25/6/2019, bị cáo điều khiển xe máy biển số 75B1-178.65 của bị cáo Đ giật 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus tại ấp 6, xã P, sau đó bị cáo nhờ bị cáo Đ bán dùm, bị cáo Đ biết điện thoại do bị cáo cướp giật mà có, bị cáo Đ đem điện thoại đi cầm cố tại cửa hàng điện thoại di động Sông T7 ở ấp C, xã A, huyện C được 8.000.000đ, bị cáo chỉ lấy 1.500.000đ, cho bị cáo Đ 500.000đ, trả nợ 6.000.000đ;

- Bị cáo còn cùng bị cáo S cướp giật 01 điện thoại di động Samsung tại xã C (không nhớ ngày) và cướp giật 01 điện thoại di động Oppo tại lô cao su giáp ranh giữa 02 xã Đ và T..

*** Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh S thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng:**

- Vào tối ngày 30/3/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Dream chở bị cáo đi mua ma túy, khi đến đoạn đường K thuộc ấp 7, xã T, huyện C thì phát hiện 01 xe máy biển số 83K1-0484 để trong nhà không ai trông giữ, bị cáo T vào trong nhà trộm xe còn bị cáo ở ngoài canh giới, sau đó bị cáo T đem xe trộm được đi bán ở đâu bị cáo không biết;

- Vào trưa ngày 12/6/2019 bị cáo đi chơi không có ở nhà thì bị cáo T đến nhà bị cáo để 01 xe mô tô biển số 70M3-0484 ở nhà bị cáo, khi bị cáo về nhà thì gia đình bị cáo có nói cho bị cáo biết, bị cáo điện thoại hỏi bị cáo T thì T nói xe do T trộm được, T nói bán cho bị cáo 2.500.000đ, bị cáo đồng ý mua. Sau đó bị cáo đổi biển số 70M3-0784 sang biển số 95F4-1353 để sử dụng. Ngày 02/7/2019 bị cáo điều khiển xe cùng Đoàn Thanh T9 đi cướp giật điện thoại di động ở ấp 7, xã T, huyện C, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” vào ngày 13/02/2020;

*** Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng:**

- Vào trưa ngày 12/6/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở bị cáo đến đồng ruộng thuộc ấp G, xã L, huyện C để hái trái cây, bị cáo T phát hiện xe mô tô biển số 70M3-0484 để trên bờ ruộng không có người trong coi, bị cáo T rủ bị cáo trộm xe, bị cáo đồng ý, bị cáo canh giới còn bị cáo T trộm xe, trộm xong cả hai về nhà, bị cáo T đem xe mô tô vừa trộm được bán cho bị cáo S, bị cáo T chia cho bị cáo 1.000.000đ, bị cáo đã tiêu xài hết;

- Vào trưa ngày 25/6/2019, bị cáo đưa xe mô tô biển số 75B1-178.65 cho bị cáo T đi mua đồ về sửa xe, xe mô tô do bị cáo mua của một người không rõ lai lịch gần Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, sau đó bị cáo T về có nói cho bị cáo biết vừa cướp giật được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus của một người phụ nữ, bị cáo T kêu bị cáo chở đi bán điện thoại di động vừa cướp giật được, chiều cùng ngày bị cáo chở bị cáo T đến tiệm cầm đồ Sông T7 thuộc ấp C, xã A cầm điện thoại được 8.000.000đ, bị cáo T trả cho vợ bị cáo 5.000.000đ, còn lại tiêu xài. Cuối tháng 3/2019, bị cáo A có bán cho bị cáo 01 xe mô tô biển số 51K5-6655, sau đó bị cáo bán lại cho một người anh không rõ lai lịch tại xã A, huyện C, bị cáo không biết xe này do bị cáo A trộm cắp vì bị cáo A không nói cho bị cáo biết, ngoài ra bị cáo không có mua hay tiêu thụ tài sản nào khác.

*** Tại phiên tòa, bị cáo Thái A thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng:**

Vào khoảng tháng 3/2019, bị cáo T điều khiển xe Dream đến nhà bị cáo rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản, khi đi đến dãy nhà trọ ở xã P, huyện C thì cả hai thấy 01 chiếc xe biển số 51K5-6655 không có người trông coi, bị cáo đứng ở ngoài cảnh giới còn T đi vô trộm xe rồi cả hai mang xe về, bị cáo T bán xe cho bị cáo Đ với giá 2.000.000đ.

*** Tại phiên tòa, bị hại là ông Nguyễn Tuyết B trình bày:** Ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T trả cho ông số tiền trị giá chiếc xe mô tô hiệu Jupiter biển số 59V2-83XXX là 2.200.000đ, số tiền trị giá 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S là 2.300.000đ, tổng cộng là 4.500.000đ;

*** Tại phiên tòa, bị hại là ông Mai Công Ch vắng mặt, lời khai của ông Chính tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện:** Ông đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy màu xanh có số khung: 401203-WCH03XXX, số máy: 431203-P5XXXX, ông không có yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị hại là bà Đoàn Thị H vắng mặt, lời khai của bà H tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện trình bày:** Bà yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T trả cho bà số tiền 1.500.000đ và 01 đồng hồ đeo tay trị giá 200.000đ, tổng cộng là 1.700.000đ.

*** Tại phiên tòa, bị hại là ông Trần Văn Mỹ A vắng mặt, lời khai của ông A tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện:** Ông đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy biển số 83K1-0482, ông không có yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị hại là ông Phạm Văn C1 xin vắng mặt, lời khai của ông C1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và tại bản tự khai thể hiện:** Ông yêu cầu bị cáo T và bị cáo A trả cho ông số tiền trị giá chiếc xe mô tô hiệu Havico biển số 51K5-66XX là 3.000.000đ.

*** Tại phiên tòa, bị hại là bà Đỗ Thị Minh Y xin vắng mặt, lời khai của bà Y tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và tại bản tự khai thể hiện:** Bà yêu cầu bị cáo T và bị cáo A trả cho bà số tiền trị giá 01 điện thoại di động hiệu Nokia là 300.000đ.

*** Tại phiên tòa, bị hại là bà Nguyễn Thị Thùy T4 vắng mặt, lời khai của bà T4 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện:** Bà yêu cầu bị cáo T và bị cáo A trả cho bà số tiền trị giá 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6 là 3.000.000đ.

*** Tại phiên tòa, bị hại là ông Võ Quốc D1 vắng mặt, lời khai của ông D1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện:** Ông đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy hiệu Yamaha loại Sirius biển số, số khung: RLCS5C630AY363838, số máy: 5C63363900.

*** Tại phiên tòa, bị hại là bà Lâm Thị D2 vắng mặt, lời khai của bà D2 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện:** Bà đã nhận lại được tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus.

*** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Sông T5 vắng mặt, lời khai của bà T5 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi thể hiện:** Khi bà nhận cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus do

một người thanh niên xưng tên Đ mang đến cầm, bà kiểm tra điện thoại thấy điện thoại không cài mật khẩu, không có tài khoản Icloud nên bà nghĩ đây là điện thoại của cá nhân người tên Đ nên mới nhận cầm với giá 8.000.000đ, bà đã nhận được số tiền bồi hoàn 5.000.000đ nên không có yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm b Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T mức án tù 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 323, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thanh S mức án tù 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp với hình phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 323, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Tấn Đ mức án tù 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Thái A mức án tù 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như sau:

+ 01 xe mô tô màu nâu, biển số 47H1-55XX, số máy: 50FMG3Y-0057XXX, số khung: MX100Y-0030XXX của chủ sở hữu là ông Hồ Đình P, quá trình điều tra ông P đã bỏ địa phương đi từ tháng 10/2019, không rõ nơi cư trú mới, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có thông báo về việc tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

+ 01 xe mô tô hiệu Jupiter màu đen bạc biển số 59V2-830.XX, số máy: 5B95060XXX, số khung: RLCJ5B950AY060XXX của chủ sử dụng là ông Nguyễn Thanh H3, ông H3 khai bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch vào năm 2018, có làm thủ tục mua bán tại Văn phòng công chứng nhưng vì sao chiếc xe vẫn còn đứng tên ông thì ông không biết, ông không có ý kiến gì về chiếc xe này, đây là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

+ 01 xe mô tô màu xanh biển số 75B1-17XXX, số máy: F124-151XXX, số khung: BE13A-TH190XXX của chủ sử dụng là bà Trần Thị H4, quá trình điều tra bà H4 đã bỏ địa phương đi nhiều năm, không rõ nơi cư trú mới, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có thông báo về việc tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

+ 01 xe mô tô màu đen biển số 85B1-09XXX, số máy: VTT36JL1P52FMH040 XXX, số khung: RRKWCH2UMAXC40XXX, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không tìm thấy dữ liệu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có thông báo về việc tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được, đây là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

+ 02 biển số 94F6-49XX của chủ xe là bà Trần Tuyết M và 95F4-13XX của chủ xe là ông Trần Kim H5, bà Mỹ và ông H5 khai nhận xe vẫn do các ông, bà đứng tên quản lý sử dụng, vì sao các đối tượng phạm tội có các biển số nêu trên các ông, bà không biết nên đề nghị tịch thu tiêu hủy;

+ 01 cái kèm, 01 mô lếch tuy các bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng cũng không có nhu cầu nhận lại, giá trị sử dụng còn lại không lớn nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Thanh S, Trần Tấn Đ và Thái A không tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Trung T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo sớm trở về chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Lê Thanh S nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo sớm trở về chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Trần Tấn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo sớm trở về chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Thái A nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo sớm trở về lo cho vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Bị cáo Nguyễn Trung T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Tuyết B là 01 xe mô tô hiệu Drum biển số 52N7-1327 và 01 điện thoại di động hiệu

Oppo F1S vào ngày 20/3/2019, chiếm đoạt của ông Mai Công C 01 xe mô tô hiệu Warm biển số 51Y7-6750, 1.500.000 đồng và 01 cái đồng hồ đeo tay của chị Đoàn Thị H vào ngày 23/3/2019, chiếm đoạt của ông Trần Văn Mỹ A 01 xe mô tô hiệu DYOR biển số 83K1-0482 vào ngày 30/3/2019, chiếm đoạt của ông Phạm Văn C1 01 xe mô tô hiệu Havico biển số 51K5-6655, 01 điện thoại di động hiệu Nokia của chị Đỗ Thị Minh Y và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6 của bà Nguyễn Thị Thùy T4 vào ngày 31/3/2019, chiếm đoạt của ông Võ Quốc D1 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 70M3-0484 vào ngày 12/6/2016. Bị cáo T đã 5 lần thực hiện một tội phạm, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Bằng hành vi nêu trên bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo T có có hành vi dùng xe máy làm phương tiện để giật tài sản 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus tại ấp 6, xã A, huyện C vào ngày 25/6/2016, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Thanh S cùng bị cáo Nguyễn Trung T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu hiệu DYOR biển số 83K1-0482 của ông Trần Văn Mỹ A vào ngày 30/3/2019 tại ấp 7, xã Đ, huyện Củ Chi, xe máy trị giá 6.000.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 81 ngày 04/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi). Ngoài ra, bị cáo S biết xe mô tô hiệu Sirius biển số 70M3-0484 là tài sản do bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn mua, thay đổi biển số nhằm tránh bị phát hiện để sử dụng. Bằng hành vi nêu trên, bị cáo Lê Thanh S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Tấn Đ cùng bị cáo Nguyễn Trung T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 70M3-0484 của anh Võ Quốc D1 vào ngày 12/6/2019 tại ấp G, xã L, huyện C, xe máy trị giá 2.500.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 156 ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi). Ngoài ra, bị cáo Đ biết chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus là tài sản do bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội mà có nhưng bị cáo giúp bị cáo T bán tài sản nêu trên. Bằng hành vi nêu trên, bị cáo Lê Thanh S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Thái A cùng bị cáo Nguyễn Trung T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu DYOR biển số 83K1-0482 của ông Trần Văn Mỹ A vào ngày 30/3/2019 tại ấp 7, xã Đ, huyện Củ Chi, xe máy trị giá 6.00.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 81 ngày 04/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi). Bằng hành vi nêu trên bị cáo Thái A đã phạm vào tội “Trộm

cấp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt, xâm phạm và tiêu thụ tài sản do phạm tội có được. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được là sai trái, phạm pháp nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi của cá nhân các bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo T, S, Đ, A và Khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo S và Đ là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô màu nâu, biển số 47H1-55XX, số máy: 50FMG3Y-0057XXX, số khung: MX100Y-0030XXX của chủ sở hữu là ông Hồ Đình P, quá trình điều tra ông P đã bỏ địa phương đi từ tháng 10/2019, không rõ nơi cư trú mới, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có thông báo về việc tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được, đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 xe mô tô hiệu Jupiter màu đen bạc biển số 59V2-830.12, số máy: 5B95060XXX, số khung: RLCJ5B950AY060XXX của chủ sử dụng là ông Nguyễn Thanh H3, ông H3 khai nhận ông bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch vào năm 2018 và có ra Văn phòng công chứng sang tên nhưng vì sao chiếc xe vẫn còn đứng tên ông thì ông không biết, ông không có ý kiến gì về chiếc xe này, đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 xe mô tô màu xanh biển số 75B1-17XXX, số máy: F124-151XXX, số khung: BE13A-TH190989 của chủ sử dụng là bà Trần Thị H4, quá trình điều tra bà H4 đã bỏ địa phương đi nhiều năm nay, không rõ đi đâu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thông báo tìm chủ sở hữu, hết thời hạn thông báo nhưng không tìm được, đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 xe mô tô màu đen biển số 85B1-09XXX, số máy: VTT36JL1P52FMH040 XXX, số khung: RRKWCH2UMAXC40XXX, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không tìm thấy dữ liệu, đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 02 biển số 94F6-4916 của chủ xe là bà Trần Tuyết M và 95F4-1353 của chủ xe là ông Trần Kim H5, bà M và ông H5 khai nhận xe vẫn do các ông, bà quản lý sử dụng và vì sao các đối tượng phạm tội có các biển số nêu trên các ông, bà không biết, xét các biển số nêu trên không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy;

- 01 cái kèm, 01 mỏ lách tuy các bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có nhu cầu nhận lại, Hội đồng xét xử xét giá trị sử dụng còn lại không lớn nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với các vật chứng là 01 xe mô tô hiệu Warm màu xanh, biển số 51Y7-6XXX, số máy 431203-P52XXX, số khung: 401203-WCH03XXX của ông Mai Công C; 01 xe mô tô hiệu DYOR màu đỏ-xám, biển số 83K1-04XX, số máy: 52FMH0008XXX, số khung: H5RS71008XXX của ông Trần Văn Mỹ A và 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen-bạc, biển số 70M3-0XXX, số máy: 5C63-363XXX, số khung: C630AY363XXX của ông Võ Quốc D1 và 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8 Plus, số imei: 354829097568XXX của bà Lâm Thị D2, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả các vật chứng cho các bị hại nêu trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự:

Hội đồng xét xử xét tại phiên tòa, bị hại là ông Nguyễn Tuyết B yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường số tiền là 4.500.000 đồng, bị hại là bà Đoàn Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường số tiền là 1.700.000 đồng, bị hại Phạm Văn C1, Đỗ Thị Minh Y và Nguyễn Thị Thùy T4 lần lượt yêu cầu các bị cáo Nguyễn Trung T và Thái A phải bồi thường số tiền là 3.000.000đ, 300.000đ và 3.000.000đ, các bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này để buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) bị cáo T cùng bị cáo Đ trộm cắp tài sản vào ngày 12/6/2019 tại ấp G, xã L, huyện C, bị cáo Đ khi nhận đã bán xe cho một người không rõ lai lịch, không nhớ rõ ngày bán, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thể làm rõ nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với bà Phạm Kim T8 là vợ của bị cáo Đ: Ngày 02/7/2019 bị cáo T có trả nợ cho bà T8 số tiền 5.000.000 đồng, bà T8 không biết số tiền này do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý hình sự, bà T8

cũng đã giao nộp số tiền này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với đối tượng Phó Văn T5: Bị cáo T khai nhận đối tượng T5 biết tài sản là chiếc xe biển số 51Y7-6750 (T đổi sang biển số 94F6-4916) do T trộm cắp mà có nhưng vẫn nhận cầm, đối tượng T5 không thừa nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với các đối tượng Hồ Minh T6 và Đoàn Văn H2: Đối tượng Hào khai nhận biết tài do T phạm tội mà có nhưng vẫn cất giữ dùm, riêng đối tượng Tử không thừa nhận, hiện tại T6 và H2 không còn cư trú ở địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với đối tượng H1 (không rõ lai lịch) là người mua xe mô tô biển số 52N7-1327 do T trộm cắp mà có, hiện tại H1 không còn cư trú ở địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với đối tượng Đặng Đình Bảo Q cùng bị cáo S trộm cắp xe mô tô tại ấp H, xã T, huyện C và cất giấu biển số 70M3-0484 (vụ thứ 5), hiện tại Q không còn cư trú ở địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Thanh S, Trần Tấn Đ và Thái A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Trung T và Thái A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S và Trần Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tuyên bố bị cáo Thái A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm b Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu hình phạt tổng cộng là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2019.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 323, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp với hình phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, buộc bị cáo Lê Thanh S phải chịu hình phạt tổng cộng là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2019.

3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 323, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Buộc bị cáo Trần Tấn Đ phải chịu hình phạt tổng cộng là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2019.

4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thái A 09 (Chín) tháng 29 (Hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2019, cản trở vào thời hạn bị cáo bị tạm giam cho đến ngày xét xử.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của các bị hại là ông Nguyễn Tuyết B, bà Đoàn Thị H, ông Phạm Văn C1, bà Đỗ Thị Minh Y và bà Nguyễn Thị Thùy T4.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Tuyết B số tiền 4.500.000 đồng, bồi thường cho bà Đoàn Thị H số tiền 1.700.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy T4 số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đỗ Thị Minh Y số tiền 300.000 đồng.

Buộc bị cáo Thái A có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Văn C1 số tiền 3.000.000 đồng

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo T, A chậm trả tiền thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điểm a, Điểm g Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Thanh S, Trần Tấn Đ và Thái A mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng;

- Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu là 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng);

- Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Thái A phải chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

7. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

